****

**Sự khác biệt giữa Kim Cương Thừa và Đại Thừa Kinh Điển**

***Khenpo Tsultrim giảng ngày 24/04/2018***

**Bài giảng số 2**

**Tóm tắt: khác biệt giữa Kim Cương Thừa và Đại Thừa Kinh điển là bởi quán đỉnh và phương pháp thực hành. Còn về quan điểm, định hướng là giống nhau. Không thể thực hành KCT mà lơ đãng thực hành tiểu thừa và đại thừa.**

Bài học hôm nay về sự khác biệt giữa Kim Cương Thừa (KCT) và Đại Thừa (ĐT). Như bài học trước đã nói, những bài giảng của đức Phật chia vào hai thừa là Tiểu Thừa và Đại Thừa, tuy tên gọi khác nhau, động cơ khác biệt nhưng mục đích chúng ta như nhau, đều đi chung con đường đến giải thoát, đạt được giác ngộ hay Phật quả. Khác với những tôn giáo khác, không ai có thể trở thành đấng sáng tạo, vị chúa tể nhưng trong đạo Phật, theo quan niệm của Phật giáo, chúng ta ai cũng đều có bản tính như chư Phật, đều có Phật tính và mỗi người, mỗi chúng sinh đều có khả năng trở thành Phật, đều có thể đạt được Phật quả, và cũng chính bởi vậy, chúng ta được gọi là những Phật tử.

Phật tính giống như một hạt giống khỏe mạnh, nhưng hạt giống đó không thì chưa đủ, không thể nảy mầm được. Một hạt giống tốt muốn nảy mầm cần có nước, đất, nhiệt độ… những nhân duyên thích hợp để nảy mầm. Giống như vậy chúng ta có cùng một bản chất tâm trí, bản chất này là tiềm năng để trở thành phật quả, và ai cũng đều có như vậy cho dù đó là người giàu, nghèo, trẻ/già, nam/nữ… ai cũng như nhau hết, bình đẳng. Kể cả khi chúng ta bị đọa xuống những cõi thấp như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh… nhưng phật tính của chúng ta không vì thế mà trở nên xấu đi. Khi chúng ta có cuộc sống tốt đẹp khi đạt được phật quả, Bồ Tát hay trong cõi Thiên, bất kể đâu, nơi cuộc sống tối thượng, phật tính không trở nên tốt hơn. Đó là ý nghĩa của Phật tính, không bao giờ thay đổi. Giống như nước, cho dù nước màu gì, sạch hay bẩn, nước cũng vẫn là nước, bản chất nước không bao giờ thay đổi. Phật tính của chúng ta giống như vậy. Tiềm năng này trong mỗi chúng ta là bình đẳng, không bao giờ thay đổi. Bởi vì có tiềm năng này nên mỗi chúng sinh kể cả súc sinh, đều có thể có được Phật quả.

Bới lý do này nên Đức Phật đã đưa ra hai phương pháp làm sao để đạt được Niết Bàn. Niết bàn là trạng thái khi chúng ta thức tỉnh được tâm trí mình khỏi những mê mờ được gọi là Nirvana hay Niết Bàn. Nirvana không phải là điều gì chúng ta cần đạt tới tận đâu, chúng ta không cần phải đi tới nơi nào để đạt, mà chỉ là thức tỉnh tâm trí khỏi những mê mờ. Để làm được điều này, đức Phật đã giảng hay phương tiện: Tiểu Thừa và Đại Thừa. Cho những người không có khả năng giúp đỡ những người khác, họ chỉ giải thoát được cho chính mình, được gọi là Tiểu thừa-cỗ xe nhỏ, giải thoát cá nhân là chính yếu. Còn đại thừa là cỗ xe lớn, có nhiều trọng trách, chở tất cả mọi người. Một người có trách nhiệm chở từng các nhân trên vai, để đạt được Niết Bàn, như vậy được gọi là Đại thừa. Có sự khác biệt khi chở người ở đây: một số chỉ chở được bản thân, một số không chỉ chở bản thân mà con mang theo gia đình, thậm chí cả quốc gia. Đó là sự khác biệt, khả năng chuyên chở khác đưa đến trách nhiệm khác nhau. Và bởi vậy trong Phật giáo chia thành hai con đường: Đại thừa và Tiểu thừa.

Truyền thống Đại thừa chia thành hai nhánh là Kinh thừa và Mật thừa. Phật giáo Nguyên thủy đến từ Nam Ấn, qua Miến Điện, Campuchia và Nam Á. Đa số các nước Nam Á theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy hay Tiểu Thừa. Từ phương Bắc, theo con đường tơ lụa đi qua Trung Quốc, Việt nam, Nhật bản, Hàn Quốc những vùng này theo truyền thống đại thừa. Ở phía Đông, từ Nepal qua Ấn độ rồi Tây tạng, theo truyền thống Kim Cương Thừa. Để giải thích 3 thừa này, thầy đưa ra ví dụ ở Tây tạng, khi xuất gia, tất cả những lời nguyện, nghi lễ xuất gia theo truyền thống Tiểu thừa. Những nghi lễ này không liên quan đến Đại thừa hay KCT mà là tiểu thừa thuần túy. Sau đó các thầy được học về bồ đề tâm, phát khởi bồ đề tâm, đó là truyền thống đại thừa, không trộn lẫn với KCT. Và sau đó là những nghi lễ mật điển như nhận quán đỉnh, giai đoạn phát khởi và giai đoạn hoàn thiện thực hành, đó là KCT. Đó là 3 thừa mà các thầy luôn giữ. Thầy nghĩ cũng giống như Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc, khi tiến hành những nghi lễ thọ giới xuất gia, đều thực hành theo truyền thống Tiểu thừa rồi mới đến những bài giảng của Đại thừa. Cả ba thừa này chỉ hơi khác biệt nhưng không quá khác biệt để một người không thể nào thực hành nổi.

Khi đức Liên Hoa Sinh đến Tây Tạng, Người đưa ra một chỉ dẫn “người thực hành thực hành ngoại tại tuân theo những giới luật tiểu thừa đem lại lợi lạc hiểu được luật nhân quả, nội tại thực hành bồ đề tâm để lợi lạc tất cả chúng hữu tình, và bí mật thực hành KCT đem lại lợi lạc trong 1 đời có thể đạt được Phật quả. Vậy chúng ta phải kết hợp thực hành cả ba thừa. Đa số phật giáo Tây tạng kết hợp cả ba thừa hay cả ba truyền thống này. Nói về KCT không có nghĩa là phủ nhận Tiểu thừa, ĐT, phủ nhận bồ đề tâm, như vậy thì không bao giờ thực hành được. Chúng ta cần làm như xây một ngôi nhà, cần sàn, tường và mái, tất cả ghép lại mới thành một ngôi nhà đẹp. Thực hành của chúng ta giống như vậy, giới luật là nền móng, tường là bồ đề tâm và mái nhà là mật điển. Tất cả kết hợp để tạo thành một thực hành đầu đủ của Phật giáo Tây Tạng. Cả ba thừa này không trái ngược nhau mà hơn thế, phải cùng chung một con đường vì chúng ta đều có chung một đích: giải thoát chúng ta khỏi samsara, đạt tới Nirvana.

Trong Phật giáo chúng ta chia thành ba phương tiện: quan điểm, thiền và định hướng. Đối với ĐT, cho dù là Kinh Thừa hay Mật, cũng vậy, quan điểm và định hướng như nhau. Quan điểm theo con đường Trung Quán Luận, Kinh hay Mật giống nhau, vậy khi chúng ta nói rằng Đại thừa và Kim Cương thừa là không đúng. Trong Đại thừa chia thành hai nhánh: hệ thống kinh điển và mật điển, có cùng quan điểm. Và định hướng bởi bồ đề tâm, không có bồ đề tâm thì mật điển không còn là con đường giải thoát hay con đường Phật quả nữa. Định hướng của Kinh điển và Mật điển là như nhau. Chỉ có thiền là khác nhau. Có những phương pháp thiền khác nhau dẫn đến sự khác biệt của KCT và Kinh thừa.

Một nhà học giả lớn của ấn độ, Budagutta, một hành giả đã nói “nhanh chóng chính là sự khác biệt giữa KCT và Kinh thừa, KCT là sự chóng hơn, thiện xảo hơn, hạnh phúc hơn. Dựa trên ba nền tảng này để nói rằng KCT khác biệt với Kinh thừa. Nhanh chóng có nghĩa: khi chúng ta nhận được quán đỉnh KCT, một người có thể thực hành và đạt được Phật quả chỉ trong một đời. Ví dụ ở Tây Tạng có hành giả Milarepa, lúc đầu người phạm rất nhiều ác nghiệp nhưng sau người thực hành dưới sự chỉ dạy của vị thầy, học giả Marpa và nhanh chóng đạt được Niết Bàn trong một đời. Cho dù bạn có làm chậm trễ hơn, nhưng bạn ít phá vỡ mật nguyện, bạn sẽ đạt Niết Bàn trong một đời. Chính vậy KCT là nhanh hơn để đạt được phật quả trong 1 đời.

Có **5 lý do** để đạt được Phật quả nhanh hơn: **đầu tiên** là nghi lễ, đối với Kinh thừa gọi là cỗ xe nhân vì khi chúng ta coi đức Phật ở cõi của các vị, ở những miền đất xa và khẩn cầu để đạt được như các Ngài. Như vậy chúng ta đã tạo ra sự phân biệt, khoảng cách giữa chúng ta và các đức Phật. Trong KCT, bản thân chúng ta trở thành thân tướng của Bổn Tôn (các Đức Phật), nơi chốn chúng ta trở thành Mandalat (đàn thành) của Bổn tôn hay cõi tịnh độ của các ngài, đó là cỗ xe quả. Vì đó là quả mà chúng ta mong muốn đạt được, đó là quả của con đường giác ngộ. Vì lý do đó tại sao khi ta thực hành KCT, chúng ta mời những bổn tôn, hòa nhập vào mình, cúng dường, và như vậy chúng ta đến gần các vị hơn. Và đó cũng là con đường ngắn hơn.

Năng lực tụng đọc chú là lý do **thứ hai**: giống như một giọt nước có thể biến chuyển thành dòng sông, chính vậy tại sao có thể nói là nhanh hơn.

Lý do **thứ 3** khi chúng ta đến đâu chúng ta luôn nhìn thấy những nơi chốn không thanh tịnh, thấy sự ô trọc và các vấn đề của miền đất, một sự kiện, không rõ ràng, không sạch sẽ… đó là ý niệm thế tục. Để giải thoát khỏi những ý thức thế tục này, chúng ta quán tưởng nơi chốn chúng ta ở, dù đó là bất cứ nơi đâu, đều là cõi tịnh độ. Chính vì vậy, KCT là nhanh chóng hơn.

Lý do **thứ tư** là nhờ tụng đọc chú hay thiền định chúng ta có thể làm lợi lạc và giải phóng được vô số lượng chúng sinh

Lý do **thứ 5** trong KCT bất cứ thực hành nào cũng bằng hai chân lý: tương đối và tuyệt đối. Hai chân lý này chính là nói về hai bồ đề tâm tương đối và tuyệt đối. Khi thiền trong KCT, ta thiền bằng tính không và đại từ bi. Đại từ bi là bồ đề tâm. Trong KCT thừa cả hai chân lý phải nằm trong bất cứ phương pháp nào. Không có hai chân lý này, bất cứ phương pháp nào cũng không thể trở thành con đường giải thoát cả.

Bởi năm lý do trên mà học giả Buda guppa nói rằng KCT là con đường nhanh chóng để đạt được Phật quả.

Ở Tây Tạng, khi nói về KCT, không có nghĩa là kim cương một cách vật chất mà ý nghĩa là từ bi và tính không. Thân, khẩu và ý của bạn không tách rời với những thực hành này, nên có thể gọi là cỗ xe kim cương, Kim cương là một thứ gì không phá hủy được như: tính không, không ai phá hủy được, bầu không gian, không ai phái huỷ được. KCT là tính không. Thực hành bằng lòng từ bi và tính không có nghĩa là KCT, nhưng sự khác biệt ở đây là cỗ xe quả, chúng ta gọi như vậy vì kết quả của Phật quả đã có trên con đường mà chúng ta đang đi nhờ có việc nhận được những quán đỉnh làm sao để thiền ở giai đoạn phát khởi và giai đoạn hoàn thiện.

Một học giả lớn khác của Tây Tạng, Jigten Sumgon, nói rằng sự phân biệt giữa KCT và Kinh thừa là quán đỉnh. Khi nhận quán đỉnh là nghi lễ của KCT, khi không nhận quán đỉnh cho một thực hành đặc biệt nào đó, được gọi là truyền thống Kinh thừa. Bởi vậy khi chúng ta coi thân tướng chúng ta như thân tướng bổn tôn, nơi chúng ta ở như đàn thành mandalat qua việc nhận quán đỉnh. Nhận quán đỉnh không phải là một nghi lễ không chỉ là để gia trì mà đó là quán đỉnh, ta nhận được những chỉ dẫn để thiền định, làm thế nào để trở thành Phật khi coi thân tướng chúng ta trong thân tướng một vị Phật. Đó là ý nghĩa của quán đỉnh.

Đó là ý nghĩa của quán đỉnh. Đôi khi mọi người đến nhận quán đỉnh chỉ để nhận sự gia trì và gọi là nhận quán đỉnh. Đó không phải là cách đúng. Học giả Jigten Sumgon nói khi bạn hiểu ý nghĩa của quán đỉnh, đó là lúc bạn nhận được. Ở Tây Tạng khi đức Pha Dakpa đến Tây Tạng và trao quán đỉnh, rất nhiều người đến nhận, nhiều vị thầy giỏi cũng đến nhận. Những vị thầy này ngồi gần đức Liên Hoa Sinh và có một người phụ nữ ngồi rất xa, bà Machig Labdron, lúc đó còn chưa ai biết đến bà, ngồi ở phía cửa ra vào, đến cuối buổi lễ trao quán đỉnh, người nói rằng người nhận được quán đỉnh này là chính người phụ nữ ngồi xa, ở tận cửa ra vào. Vậy quán đỉnh là thực sự điều gì đó in đậm vào tâm trí bạn, thì đó mới có nghĩa là bạn đã nhận được quán đỉnh.

Chúng ta nhận được từ buổi lễ quán đỉnh thân kim cương, khẩu và tâm trí kim cương. Chúng ta nhận quán đỉnh tịnh bình để thân chúng ta trở thành thân kim cương. Quán đỉnh lời nói hay quán đỉnh bí mật, quán đỉnh lời nói thành câu minh chú giác ngộ hay lời nói trí tuệ và quán đỉnh tâm trí. Quán đỉnh tâm trí để trở thành tâm trí giác ngộ nhưng không tách biệt với từ bi và tính không

Quán đỉnh tịnh bình không có nghĩa chỉ nhận nước không thôi. Nước ở đây là bồ đề tâm, là năm vị Phật trong gia đình ngũ bộ Phật không tách rời với nước trong tịnh bình. Đặc biệt trong bình quán đỉnh có năm nhánh quán đỉnh là nước, vương miện, chày kim cương, chuông và danh. Năm nhánh này để giới thiệu bản thân bạn với gia đình ngũ bộ Phật. Nước là đức A Súc Bệ Phật, vương miện là đức Bảo Sinh Phật, Chày kim cương là đức A Di Đà Phật, Chuông là đức Bất không thành tựu Phật, Danh là đức Đại Nhật Phật. Trong buổi quán đỉnh này, năm uẩn của bạn cũng được coi như năm vị Phật trong gia đình, và đó là điều cần để thân bạn trở nên thân giác ngộ đó là chỉ dẫn chính yếu trong quán đỉnh tịnh bình.

Đó là yếu tố chính của quán đỉnh, được gọi là kim cương, giới thiệu chúng ta với ba thân qua quán đỉnh. Ba cửa của thân khẩu ý của chúng ta không tách biệt với thân khẩu và ý của thân, khẩu và ý của trí tuệ giác ngộ. Thân không tách rời với tướng và tính không, khẩu không tách rời với âm thanh và tính không, tâm trí không tách rời với niệm và tính không. Đó là sự khác biệt với hệ thống kinh điển, Trong hệ kinh điển không bao giờ chúng ta coi thân tướng như bổn tôn, còn trong KCT qua quán đỉnh chúng ta coi thân tướng mình như bổn tôn, chính vậy tại sao KTC thừa là cỗ xe quả còn Kinh thừa là cỗ xe nhân.

Khi ta thực hành KCT chúng ta không thể sao nhãng tiểu thừa và Đại thừa kinh điển vì không có hai phần này KCT không hoàn thiện đầy đủ. Như thầy đã nói ở trên, KCT như cái mái nhà, một cái mái thật đẹp, và để giữ cái mái cần có tường và sàn nhà. Khi nói về KCT chúng ta không thể bỏ qua tiểu thừa như thọ quy y, trì giới, hay động cơ buông bỏ, chúng ta cũng không sao nhãng được với truyền thống đại thừa Kinh thừa thực hành bồ đề tâm. Không có bồ đề tâm, KCT không thể hoàn thiện. Và khi thực hành bằng KCT, thì đó là con đường nhanh hơn trong một đời đạt được Phật quả.

Khi nhận quán đỉnh KCT, chúng ta nhận được những hướng dẫn giải thoát, làm sao giải thoát ở giai đoạn phát khởi và giai đoạn hoàn thiện. Ở giai đoạn phát khởi ta giải phóng khỏi nơi chốn thế tục, chúng ta quán tưởng mandalat và giải thoát khỏi ý nghĩ thế tục của hình tướng thế tục, chúng ta quán thân chúng ta như thân tướng bổn tôn. Đó là cách trong KCT ta đã thiền về quả mà ta cần đạt tới trong chính thực hành. Khi bạn quán bạn đang ở cõi cực lạc, như khi thực hành đức A Di Đà, quán thân sắc như thân tướng đức A Di Đà, nơi chốn bạn ở Việt Nam không còn là Việt Nam mà đó là cõi Tây Phương Cực lạc, cõi tịnh độ của người, gia đình bạn là những đoàn tùy tùng của mandalat. Đó là cách giải thoát khỏi những niệm thế tục nhờ phát khởi mandalat, bản thân phát khởi bổn tôn giải thoát khỏi ý thức niệm bạn là một người thế tục. Bạn luôn bám chấp vào thân thể này nhưng khi bạn thiền trong thân tướng bổn tôn, bạn được giải thoát khỏi sự bám chấp vào thân thể bạn rằng tôi là thế này, thế kia. Khi bạn thiền về thân bổn tôn, bạn không còn những bám chấp này nữa.

Trong giai đoạn phát khởi có **3 tính chất** quan trọng: rõ ràng, tinh khiết và tự tin. Rõ ràng có nghĩa bạn quán tưởng rõ ràng nhất về bổn tôn, chúng ta dùng rất nhiều hình ảnh, tượng, cố gắng trở nên như vậy, cố gắng quán rõ mắt, tai… càng chi tiết như bạn thấy. Điều này rèn tâm trí trở nên nhất tâm không bị sao lãng. Trong Kinh thừa bạn có thiền tâm an trụ, ở giai đoạn này liên quan đến thiền tâm an trụ. Tập trung vào tượng, tranh ảnh,… tâm trí tập trung vào 1 điểm là thân tướng bổn tôn. Bạn quán rõ ràng, sáng suốt nhất. Đó là tính chất đầu tiên của giai đoạn phát khởi.

Tính chất **thứ hai** là tinh khiết: có nghĩa vị bổn tôn có hình dáng màu sắc, số tay, đầu khác nhau chi ra mỗi vị có một phẩm tính bên trong khác nhau. Phẩm tính bên trong này được thể hiện qua hình dáng khác nhau, tinh khiết bởi phẩm tính riêng của từng vị Phật. Giống như khi mua thuốc, nhìn viên thuốc không đoán được tác dụng mà chỉ khi ta đọc hướng dẫn mới biết được. Cũng như vậy, những phẩm tính bên trong không thể trình ra bằng hình ảnh được. Qua hình dáng, màu sắc chúng ta mới biết được phẩm tính bên trong. Chúng ta cần hiểu sự khác biệt này, khi nhận những chỉ dẫn từ buổi quán đỉnh, bạn cần hiểu sao vị này có 2 tay, có 4 tay, sao lại màu trắng, xanh… tất cả đều liên quan đến phẩm tính bên trong.

**Thứ ba** là tự tin, nghĩ tôi là bổn tôn. Bạn cần tự tin vào điều đó, không phải trả vờ coi như vậy mà bạn hoàn toàn có xu hướng như vậy. Bản chất tâm trí của bạn và tâm tuệ minh không khác nhau. Từ đầu thầy đã nói chúng ta có cùng bản tính như chư Phật. Chúng ta có cùng Phật tính nên có xu hướng trở thành Phật quả. Khi coi mình trong thân bổn tôn, không phải làm như vậy, vờ như vậy mà bạn là bổn tôn.

**Giai đoạn hoàn thiện** và tụng đọc chú. Tất cả hợp thành KCT của giai đoạn sinh khởi vì khi chúng ta không nhận quán đỉnh và giai đoạn sinh khởi này, việc tụng đọc chú không không trở thành KCT, nghi lễ không cũng không thành KCT, thiền về kênh mạch không cũng không thành KCT được mà chỉ khi quán thân trong thân bổn tôn, thì việc tụng đọc chú mới trở thành phần của KCT. Khi bạn quán bổn tôn phía trước và tụng chú, đó là truyền thống kinh điển. KCT và kinh điển khác nhau chỉ bởi cách quán tưởng: trong KCT quán nơi chúng ta ở là cõi tịnh độ, còn Kinh điển quán cõi tịnh độ ở đâu đó. Quan điểm, cách dẫn hướng của KCT và Kinh điển là như nhau, chỉ có khác nhau về phương pháp thực hành. Khác biệt duy nhất là quán đỉnh và giai đoạn sinh khởi. Sau đó mới học đến bắt ấn, tụng đọc chú. Nếu không có quán đỉnh và sự sinh khởi giải thoát này, những yếu tố khác không tạo nên thực hành KCT được.



**Ratna Shri Group**

*Dịch sang tiếng Việt: Tâm Hạnh*

*Mọi sai sót là do người dịch*

*Mọi công đức xin hồi hướng chúng sinh pháp giới*